

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA  
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **419/2022/HNGĐ-ST**.

Ngày: 30/9/2022.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp việc nuôi con chung”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN D  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Hòa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trang Văn Hai – Hội phó Hội cựu chiến binh Việt Nam, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Thiều Thị Phi Loan – Nguyên cán bộ Hội Liên hiệp phụ nữ thành phố Biên Hoà.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thành Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thuý Duyên - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1963/2022/TLST-HNGĐ ngày 04/7/2022 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp việc nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 358/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 08 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 441/2022/QĐHPT-HNGĐST ngày 14 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Ông **Phạm Quốc H**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: B24, khu phố 3, phường B, thành phố B, tỉnh Đ.

***2. Bị đơn:*** Bà **Trần Thị Thanh T**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: 412, tổ 38, khu phố 4, phường B, thành phố B, tỉnh Đ.

(Ông H, bà T có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hoà giải, công khai tài liệu chứng cứ, nguyên đơn ông Phạm Quốc H trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2013, tôi và bà T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường B, thành phố B cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, hôn nhân tự nguyện, không có sự ép buộc. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó thì vợ chồng P sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, lối sống, tính tình dẫn đến cãi vã cuộc sống vợ chồng xung đột và không tôn trọng lẫn nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Hiện hai vợ chồng đã sống ly thân, mạnh nấy sống, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay xét thấy mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, tôi không còn tình cảm với bà T nên yêu cầu xin ly hôn với bà T.

Về con chung: Tôi và bà T có 02 con chung tên Phạm Công D, sinh ngày 22/9/2017 và Phạm Hoàng Gia P, sinh ngày 29/4/2021. Ly hôn, tôi đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D và đồng ý giao cháu P cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời không ai cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Theo bản tự khai và biên bản hoà giải, công khai tài liệu chứng cứ, bị đơn bà Trần Thị Thanh T trình bày:***

Về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn như ông H trình bày là đúng. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng những năm gần đây P sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, lối sống, tính tình dẫn đến cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc. Hiện hai vợ chồng đã sống ly thân, mạnh nấy sống, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay ông H xin ly hôn với tôi thì tôi đồng ý ly hôn.

Về con chung: Tôi và ông H có 02 con chung tên Phạm Công D, sinh ngày 22/9/2017 và Phạm Hoàng Gia P, sinh ngày 29/4/2021. Ly hôn, tôi đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu vì hai cháu từ nhỏ tới nay sống cùng tôi. Tạm thời không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, ngoài các chứng cứ các đương sự đã cung cấp từ khi thụ lý, nguyên đơn, bị đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ phát biểu ý kiến:***

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; Xác định quan hệ pháp luật, tư cách của đương sự và thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và lời trình bày, tranh luận của đương sự tại phiên tòa hôm nay có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận việc thuận

tình ly hôn của ông H và bà T, giao con chung là cháu D cho ông H, giao cháu P cho bà T nuôi dưỡng, không xem xét việc cấp dưỡng vì hai bên không yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Tổ tụng:**

- Về tư cách tổ tụng và quan hệ tranh chấp:

Ông Phạm Quốc H khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Trần Thị Thanh T và yêu cầu được nuôi con chung. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định ông H là nguyên đơn, bà T là bị đơn. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp việc nuôi con chung”.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị Thanh T có địa chỉ thường trú và cư trú tại phường B, thành phố B, tỉnh Đ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của ông H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

#### **[2] Về nội dung tranh chấp:**

Ông Phạm Quốc H và bà Trần Thị Thanh T chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường B, thành phố B, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 104, quyển số 01/2012, ngày 25/10/2013. Đối chiếu quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định hôn nhân của ông H và bà T là hợp pháp.

Ông H và bà T đều thừa nhận sau quá trình chung sống thì hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Từ tháng 6 năm 2022 đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm nhau.

Xét thấy: Quá trình làm việc, ông H và bà T đều thừa nhận sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, hạnh phúc nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, hai vợ chồng hay gây gổ, xung đột, cãi vã với nhau. Bản thân bà T cũng thừa nhận trong quá trình chung sống, thời gian đầu đến tháng 6 năm 2022, hai vợ chồng xảy ra lục đục, cãi vã; Bà và ông H sống ly thân đến nay; Do vậy, ông H xin ly hôn thì bà cũng đồng ý ly hôn. Bên cạnh đó, theo kết quả xác minh tại Công an phường B, thành phố B cũng ghi nhận: Ông H và bà T có mâu thuẫn vợ chồng từ lâu, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, đánh đập nhau cần có sự can thiệp của địa phương nhiều lần. Như vậy, mâu thuẫn giữa ông H và bà T là có thật, trầm trọng, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng

xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của ông H và bà T là phù hợp.

Về con chung: Ông H và bà T xác định có 02 con chung tên Phạm Công D, sinh ngày 22/9/2017 và Phạm Hoàng Gia P, sinh ngày 29/4/2021. Ly hôn, ông H đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Công D; bà T đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu, tạm thời không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Ông H cho rằng điều kiện sinh hoạt của gia đình bà T không tốt như: Bà T không có nhà riêng, hiện nay đang ở chung với gia đình bên ngoại, không có phòng ngủ cho hai cháu mà phải ở phòng khách, không có không gian sinh hoạt, phải ngủ ở lối ra vào duy nhất của ngôi nhà; Gia đình bà T có bố và em trai nghiện rượu nặng, đặc biệt là em trai bà T đã từng uống rượu xong gây án và phải đi tù, từng đi cấp cứu vì say rượu, tông xe; Bà T từ khi bắt cháu D về ngoại thì không cho cháu đi học nữa vì không có tiền đóng cho con học, do đó cháu D hiện không biết chữ và chậm hơn bạn bè rất nhiều; Bà T làm công việc bán hàng nên những lúc đi làm là không có ai trông coi cháu nên phải gửi nhà nội, không ai chăm sóc...Phía bà T cho rằng: Từ nhỏ hai cháu đã sống cùng bà, được bà chăm sóc chu đáo, hiện bà đang ở với gia đình bên ngoại, có đi làm bán hàng, thu nhập ổn định nên đủ điều kiện nuôi hai cháu; Ông H từng nhiều lần đánh đập và đe dọa giết bà nên bà phải báo công an; Ông H hiện nay đã có người phụ nữ khác nên giao cháu D cho ông H nuôi sẽ không đảm bảo việc cháu được quan tâm, chăm sóc và nuôi dưỡng tốt nhất.

Xét thấy: Ông H và bà T đều là lao động tự do, có thu nhập và nơi ở ổn định, không ai vi phạm đạo đức hay mắc bệnh nghề nghiệp; Vì vậy cả hai đều có điều kiện và khả năng nuôi con như nhau. Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Cháu Phạm Công D, sinh ngày 22/9/2017 đã trên 36 tháng tuổi, để bảo vệ quyền và lợi ích của các con sau ly hôn, cần giao cháu D cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đối với cháu Phạm Hoàng Gia P, sinh ngày 29/4/2021 còn nhỏ nên cần giao cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H và bà T khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn ông Phạm Quốc H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 56, 58, 71, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Quốc H đối với bà Trần Thị Thanh T.

Cho ông Phạm Quốc H được ly hôn bà Trần Thị Thanh T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Công D, sinh ngày 22/9/2017 cho ông Phạm Quốc H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao cháu Phạm Hoàng Gia P, sinh ngày 29/4/2021 cho bà Trần Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Ông H và bà T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông H và bà T khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông Phạm Quốc H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003481 ngày 29/6/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; ông H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Ông Phạm Quốc H và bà Trần Thị Thanh T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự TP. Biên Hòa;
- UBND P. Bình Đa, TP. Biên Hòa;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Thị Hòa**